TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – GIA LAI** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 25/3/2026
"*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Hoàng Thị Bình.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân vực 9 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Puih H, sinh ngày 01/01/1980;
Số CCCD: 064180004355.
Địa chỉ: Làng U, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt
- Bị đơn: Ông Puih BLất, sinh ngày 01/01/1976;
Số CCCD: 064076004196.
Địa chỉ: Làng U, xã I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
-Người phiên dịch: Bà Puih M, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Làng U, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2025, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Puih H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Puih H và ông P BLất tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998 đến ngày 15/01/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, một vài năm trở lại đây vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Ông B1 có hành vi bạo lực gia

đình, thường xuyên đi uống rượu và đánh đập bà. Bà và ông B1 đã được già làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người Gia Rai và đã sống ly thân được hơn 02 năm nay. Nay bà xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P BLất.

Về con chung: Bà Puih H và ông P BLất có 03 con chung là Puih B, sinh năm 1998, Puih H1, sinh ngày 04/02/2003 và Puih T, sinh ngày 22/12/2014.

Hiện nay Puih B và Puih H1 đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với Puih T chưa thành niên, ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông B1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là ông P BLất: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông P BLất không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông P BLất đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Puih H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Puih H và ông P BLất tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã I, huyện

I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/01/2019. Nên hôn nhân giữa bà Puih H và ông P BLất là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Ông B1 có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đi uống rượu và đánh đập bà. Bà và ông B1 đã được già làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người Gia Rai và đã sống ly thân được hơn 02 năm nay. Nay bà xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P BLất.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng ông B1 không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy ông B1 đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Và chính quyền địa phương cũng xác nhận bà H và ông B1 thường xuyên cãi nhau, già làng đã giải quyết cho ông bà ly hôn theo phong tục của người Gia Rai từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông B1 đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Gia Lai.

- Về con chung: Bà Puih H và ông P BLất có 03 con chung là Puih B, sinh năm 1998, Puih H1, sinh ngày 04/02/2003 và Puih T, sinh ngày 22/12/2014.

Hiện nay Puih B và Puih H1 đã thành niên nên bà H không yêu cầu giải quyết. Đối với Puih T chưa thành niên, ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Tại bản ghi ý kiến của cháu Puih T trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của bà H và nguyện vọng của cháu Puih T thấy rằng: Từ khi bà H và ông BLất sống ly thân, bà H là người trực tiếp nuôi con chung. Bà H vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông B1 không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông B1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Puih H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Puih H được ly hôn với ông P BLất.

- Về con chung: Giao cháu Puih T, sinh ngày 22/12/2014 cho bà Puih H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Puih B1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Puih H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc bà Puih H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0003908 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND KV 9;
-Phòng THADS KV 9;
-UBND xã Ia Hrung;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.